

Bản án số: **74/2023/HS-ST**

Ngày: 24/02/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT BC 6**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HOÀ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Lành- Hiệu trưởng trường THCS Tân P

Ông Trần Văn Chánh- Cán bộ hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Thư ký TAND thành phố Biên Hoà.

- Đại diện VKSND thành phố Biên Hoà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở TAND thành phố Biên Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 599/2022/HSST ngày 09 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/ QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2023/QĐST-HS ngày 30/01/2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **BC 1**; Ngày sinh: Theo giấy khai sinh (Đ ký ngày 21/11/2007) bị cáo sinh ngày 12/3/2004; Theo Bản Kết luận giám định pháp y về độ tuổi của bị cáo BC 1 kết luận: Độ tuổi của BC 1 là 18 tuổi 06 tháng (+/- 06 tháng) kể từ ngày giám định 30/6/2022. Bị cáo sinh tại tỉnh Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: BC 6; Nơi Đ ký thường trú: ấp TP, xã PL, huyện TP, tỉnh Đồng Nai; Nơi ở hiện nay: phường 1, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt BC 6; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 (còn sống) và bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1974 (còn sống); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ tư và chưa có vợ, con. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/03/2022, ngày 08/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

2. Họ và tên: **BC 2**; sinh ngày 01/7/2004 tại tỉnh Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: BC 6; Nơi cư trú: phường 2, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt BC 6; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp:

Làm thuê; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Tiền án, tiền sự: Không; con ông Trần Quang V, sinh năm 1977 (còn sống) và bà Phạm Thị Thu Dg, sinh năm 1982 (còn sống). Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/03/2022, ngày 09/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

3. Họ và tên: **BC 3**; sinh ngày 28/4/1999 tại tỉnh Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: BC 6; Nơi cư trú: phường 3, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt BC 6; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Nguyễn Ngọc Dp, sinh năm 1971 (còn sống) và bà Đặng Thị Mai Tg, sinh năm 1972 (còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/03/2022, ngày 09/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

4. Họ và tên: **BC 4**; Sinh ngày 20/7/2004 tại tỉnh Đồng Nai; Tên gọi khác: MM; Giới tính: BC 6; Nơi cư trú: phường 4, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt BC 6; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Hà Công T, sinh năm 1976 (còn sống) và bà Nguyễn Trần KC, sinh năm 1983 (còn sống); Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất và chưa có vợ, con; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 31/03/2022, ngày 09/4/2022 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa ra quyết định hủy bỏ quyết định tạm giữ. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

5. Họ và tên: **BC 5**; Sinh ngày 14/3/2005 tại tỉnh Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: BC 6; Nơi cư trú: phường 3, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt BC 6; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên Chúa; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 09/12; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông Trần TN, sinh năm 1961 (còn sống) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966 (còn sống); Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai và chưa có vợ, con; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

6. Họ và tên: **BC 6**; Sinh năm 2002 tại tỉnh Đồng Nai; Tên gọi khác: Không; Giới tính: BC 6; Nơi cư trú: phường 3, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt BC 6; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Nghề nghiệp: Làm thuê; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 06/12; Con ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1967 (còn sống) và bà Trần Thị Th1, sinh năm 1975 (còn sống); Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba và chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/8/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) về tội “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 191 Bộ luật hình sự; Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Người đại diện theo pháp luật của bị cáo BC 5: Ông Trần TN, sinh năm 1961; Địa chỉ: phường 3, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

- Người bào chữa theo chỉ định của các bị cáo BC 2, BC 4, BC 5: Ông Nguyễn DN- Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Đồng Nai (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 25/3/2022, xuất phát từ mâu thuẫn giữa Nguyễn BC 4 H (không rõ lai lịch – là bạn của BC 1) với Nguyễn NN (tên tài khoản Facebook là Hồ NN) trên mạng xã hội facebook, H kể với BC 1 sự việc NN có hành vi trêu ghẹo bạn gái của Hoàng, BC 1 hẹn NN nói chuyện thì bị NN chửi nên BC 1 và NN thách thức hẹn đánh nhau vào lúc 01 giờ ngày 26/3/2022 tại cổng chợ đêm Tân Biên, phường 2, thành phố Biên Hòa.

Sau đó BC 1 kể lại sự việc hẹn đánh nhau với NN cho BC 2 và nhờ BC 2 giúp đánh nhóm NN, BC 2 đồng ý. BC 2 rủ thêm BC 3, BC 4, BC 5, Thân Nguyễn Hải Đ và một người tên P (không rõ lai lịch) cùng tham gia đi đánh nhau với nhóm NN.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, BC 1, BC 2, BC 4, BC 3, Đ, P và BC 5 tụ tập tại cổng chợ đêm Tân Biên chờ nhóm NN để đánh nhau. Do chờ lâu nên BC 5 bỏ về trước, BC 4, BC 3 qua quán nước gần đó tiếp tục ngồi chờ. Đến khoảng 01 giờ ngày 26/3/2022, NN cầm theo 01 khẩu súng bắn đạn cao su, cùng với khoảng 20 đối tượng (chưa rõ lai lịch) điều khiển 06 xe mô tô cầm theo hung khí là giáo và dao tự chế dài khoảng 02m, một đầu được gắn với dao nhọn (dao phóng lợn) chạy đến cổng chợ đêm Tân Biên. Thấy nhóm của NN có đông người và mang hung khí nên nhóm BC 1 bỏ chạy thì NN hô đồng bọn “chém chúng nó”, đồng thời NN bắn 02 phát súng nhưng không trúng ai. Do không đuổi được nhóm BC 1 nên nhóm NN bỏ đi.

Đến khoảng 03 giờ cùng ngày, NN và BC 1 tiếp tục nhắn tin hẹn đánh nhau vào lúc 01 giờ ngày 27/3/2022 tại khu vực cây xăng 26, phường Tân P, thành phố Biên Hòa. BC 1 tiếp tục rủ BC 2 tham gia đánh nhóm NN. BC 2 đồng ý và tiếp tục rủ BC 5, BC 4, BC 3, Q, Th (chưa rõ lai lịch) cùng đi đánh NN giúp BC 1. Sau khi rủ đồng bọn, BC 2 gọi điện hỏi mượn BC 6 01 khẩu súng bắn đạn cao su để đánh nhau, BC 6 đồng ý. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, BC 2 rủ BC 1 đến quán café gần trường Cao đẳng y tế Đồng Nai gặp BC 6 để mượn súng. Tại đây, BC 2 và BC 1 kể cho BC 6 nghe sự việc mâu thuẫn với nhóm Nguyễn NN. Do trước đó BC 6 cũng có mâu thuẫn với Nguyễn NN nên BC 6 đồng ý cho BC 2, BC 1 mượn súng và hẹn BC 2 đến tối thì tới nhà của BC 6 để lấy súng.

Sau đó, BC 1 đi về chuẩn bị các hung khí gồm: 04 cây giáo bằng tuýp sắt một đầu gắn miếng kim loại nhọn; 01 con dao tự chế dài khoảng 02m, cán bằng sắt, một đầu gắn dao nhọn (dao phóng lợn) và 01 cây rựa cán bằng sắt, lưỡi sắc dài khoảng 1,2m rồi nhờ BC 4 phụ giúp cùng với BC 1 mang số hung khí trên đến chợ

đêm Tân Biên cất giấu. Khoảng 22 giờ cùng ngày, BC 2 đến nhà BC 6 lấy 01 khẩu súng mà BC 2 đã hỏi mượn trước đó, bên trong khẩu súng có 05 viên đạn rồi đi đến chợ Thanh Hóa, phường 1 tập hợp với nhóm BC 1. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày, nhóm BC 2, BC 1, BC 3, BC 4, BC 5, Q, Th tập trung tại khu vực chợ Thanh Hóa. Tại đây, BC 1 mang hung khí đã chuẩn bị trước đó đến và phát cho các thành viên trong nhóm để đánh nhau.

Đến khoảng 0 giờ ngày 28/3/2022, BC 2 mang theo 01 khẩu súng điều khiển xe mô tô (Không rõ biển số) chở BC 1 cầm 01 cây giáo, BC 5 điều khiển xe mô tô (Không rõ biển số) chở BC 4 cầm 01 con dao tự chế; BC 3 điều khiển xe mô tô biển số 39F2-7616 cầm theo 01 cây rựa; Q điều khiển xe mô tô (không rõ biển số) chở Th mỗi người cầm 01 cây giáo đến khu vực cây xăng 26, phường 1 để đánh nhóm NN. Trong lúc nhóm BC 1 đang đi tới đoạn đường hẻm đối diện cây xăng 75, thuộc tổ 12, khu phố 5, phường 1 thì lực lượng Công an phường 1 đang đi tuần tra phát hiện. Thấy lực lượng Công an nhóm BC 1 điều khiển xe bỏ chạy. Trên đường bỏ chạy, nhóm BC 1 đã vứt bỏ số hung khí nêu trên. Riêng đối với khẩu súng, đến ngày 29/3/2022, BC 2 đã trả lại cho BC 6.

Công an phường 2 đã lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xử lý.

Tại Cơ quan điều tra, BC 1, BC 2, BC 3, BC 4, BC 5, BC 6 đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng vụ án:

- 06 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại hiệu Vsmart màu đen (không xác định được số Imei) của BC 1; 01 điện thoại hiệu Iphone 7 Plus, số Imei 355348084376627 của BC 2; 01 điện thoại di động. hiệu Iphone (không rõ loại, không xác định được số Imei) của BC 4; 01 điện thoại hiệu Iphone Xsmax, số Imei 353107101494025 của BC 3; 01 điện thoại hiệu Iphone 6S màu xám, số Imei 355679070759487 của BC 5; 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Promax, số Imei 354860899456833 của BC 6, là điện thoại các bị can sử dụng liên lạc hẹn đi đánh nhau.

- 01 khẩu súng màu đen, dài 18cm, cao 14cm hiệu SIG SAUER P320 số 322108758 thu giữ của BC 6, là súng BC 6 cho BC 2 mượn sử dụng đánh nhau, đã được niêm phong.

- 01 xe mô tô biển số 39F2-7616, BC 3 điều khiển cùng đồng bọn đi đánh nhau, chiếc xe trên BC 3 mượn của BC 4, qua xác BC 4 là xe của bà Nguyễn Trần Kim Châu (mẹ của BC 4), bà Châu không biết BC 3, BC 4 sử dụng xe vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra không thu giữ.

- 01 xe mô tô biển số 60F3-823.99 thu giữ của BC 6, do không liên quan đến việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho BC 6.

Tại Bản kết luận giám định số 4568/KL-KTHS ngày 22/8/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh BC 4 đã kết luận:

“- Khẩu súng gửi giám định là công cụ hỗ trợ, không phải là vũ khí quân dụng và không có tính năng, tác dụng như vũ khí quân dụng.

- Sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn với đạn cỡ 9mm x 22mm tới cơ thể người có thể gây thương tích.

- Hiện tại Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh không lưu tàng thư dấu vết súng, đạn của các loại vũ khí trên”.

Tại cáo trạng số 602/CT-VKSBH-HS ngày 30/11/2022 truy tố các bị cáo BC 1, BC 2, BC 3, BC 4, BC 5, BC 6 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị Quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt bị cáo BC 1 mức án tù 12 tháng tù đến 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự, Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị Quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử phạt bị cáo BC 2 mức án tù 08 tháng tù đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo BC 4 mức án tù 08 tháng đến 10 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo BC 3 mức án tù 10 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 91, Điều 100 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo BC 5 mức án tù 06 tháng đến 08 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo BC 6 mức án tù 12 tháng đến 14 tháng cải tạo không giam giữ.

Tại bản luận cứ bào chữa cho các bị cáo BC 2, BC 4, BC 5, ông Nguyễn DN trình bày: Các bị cáo BC 2, BC 4, BC 5 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, khi thực hiện hành vi phạm tội đều dưới 18 tuổi, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, chấp hành tốt chính sách pháp luật tại địa phương. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, các Điều 91, 101 Bộ luật hình sự; áp dụng Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018, Nghị quyết 01/2022/HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xử phạt các bị cáo BC 2, BC 4, BC 5 mức án thấp nhất và cho các bị cáo được hưởng án treo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến gì về quyết định truy tố

của Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai trái và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm BC 2, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng, vật chứng được thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Do có mâu thuẫn trên mạng xã hội facebook và bị nhóm Nguyễn NNđuổi đánh vào ngày 26/3/2022, BC 1 và Nguyễn NN tiếp tục hẹn đánh nhau giải quyết mâu thuẫn. BC 1 rủ BC 2, BC 2 rủ BC 3, BC 4, BC 5, Q, Th (chưa rõ lai lịch) và mượn 01 khẩu súng của BC 6 đánh nhóm Nguyễn NN, Khoảng 0 giờ ngày 27/3/2022, tại đoạn đường hẻm (gần cây xăng 75) thuộc tổ 12, khu phố 5, phường 1, BC 2 mang theo 01 khẩu súng; BC 1 chuẩn bị hung khí phát cho BC 1, Q, Th mỗi người cầm 01 cây giáo, BC 4 cầm 01 con dao tự chế, BC 3 cầm 01 cây rựa. Khi cả nhóm đang trên đường tìm nhóm Nguyễn NNđể đánh nhau thì bị Công an phường 1 tuần tra phát hiện nên cả nhóm bỏ chạy.

Tại Bản kết luận giám định số 4568/KL-KTHS ngày 22/8/2022 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí BC 4 đã kết luận:

“- Khẩu súng gửi giám định là công cụ hỗ trợ, không phải là vũ khí Q dụng và không có tính năng, tác dụng như vũ khí Q dụng.

- Sử dụng khẩu súng gửi giám định bắn với đạn cỡ 9mm x 22mm tới cơ thể người có thể gây thương tích

Như vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà đã viện dẫn và truy tố các bị cáo tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại khoản 6 Điều 134 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

[3.1] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an BC 5 xã hội, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân. Nếu không được lực lượng Công an kịp thời phát hiện và ngăn chặn thì

các bị cáo có thể đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng cho người khác và cho chính bản thân các bị cáo.

[3.2] Xét vai trò đồng phạm của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ. BC 1 là người khởi xướng, rủ BC 2, chuẩn bị hung khí phát cho đồng bọn và thực hành tích cực hành vi phạm tội nên bị cáo BC 1 có vai trò đầu vụ. BC 2 là người rủ rê BC 3, BC 4, BC 5, Q, Th (chưa rõ lai lịch) và thực hành tích cực hành vi phạm tội nên vai trò của bị cáo BC 2 đứng sau bị cáo BC 1 và cao hơn các bị cáo khác. BC 3, BC 4, BC 5 là người thực hành trong vụ án. BC 6 cho BC 2 mượn súng nên xác định là người giúp sức. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo BC 1, BC 2, BC 3, BC 4, BC 5 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo BC 2 có hoàn cảnh đặc biệt, cha mẹ bị cáo ly hôn, từ nhỏ, bị cáo phải sống cùng cô ruột và bà ngoại nên thiếu thốn tình cảm và sự dạy dỗ của cha mẹ.. Trong số các bị cáo, chỉ có bị cáo BC 3 sinh năm 1995, được học hết lớp 12, các bị cáo khác đều nghỉ học sớm và lao động làm thuê. Như vậy, hầu hết các bị cáo tuổi đời còn rất trẻ và trình độ học vấn thấp nên nhận thức của các bị cáo còn có phần hạn chế, khó tránh được sự nông nổi, bốc đồng, thích thể hiện. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nhưng đã được phát hiện và ngăn chặn kịp thời nên chưa gây ra hậu quả. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo BC 1, BC 2, BC 3, BC 4, BC 5; điểm s khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo BC 6. Các bị cáo BC 1, BC 2, BC 4, BC 5 là người dưới 18 tuổi phạm tội nên được áp dụng thêm các quy định tại chương XII Bộ luật hình sự khi lượng hình nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ các bị cáo sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội.

Ngoài ra, trong thời gian tại ngoại, các bị cáo luôn chấp hành tốt chính sách, pháp luật tại địa phương và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo BC 1, bị cáo BC 2 được hưởng án treo và áp dụng hình phạt “Cải tạo không giam giữ” đối với các bị cáo BC 4, BC 3, BC 6, BC 5 là cũng đủ nghiêm, đồng thời thể hiện chính sách nhân đạo của Pháp luật đối với người biết ăn năn hối cải.

[4] Đối với Nguyễn NN, sử dụng 01 khẩu súng bắn 02 phát đạn cùng các đối tượng khác chưa rõ lai lịch mang theo dao tự chế điều khiển xe mô tô đuổi đánh nhóm BC 1, BC 2 tại cổng chợ đêm Tân Biên vào khoảng 01 giờ sáng ngày 26/3/2022, Cơ quan điều tra tách ra thụ lý giải quyết bằng một vụ án khác.

Đối với Q, Th (chưa rõ lai lịch) tham gia cùng nhóm BC 1, BC 2 chuẩn bị hung khí đánh nhau với nhóm Nguyễn NN, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau theo quy định pháp luật.

Đối với hành vi cất giữ 01 khẩu súng của BC 2, BC 6: BC 2 và BC 6 chưa có tiền án về tội “Chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt súng săn, vũ khí thô sơ, vũ khí thể thao hoặc công cụ hỗ trợ”, nên hành vi không cấu thành tội phạm. Công an thành phố Biên Hòa đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu súng màu đen, dài 18cm, cao 14cm hiệu SIG SAUER P320 số 322108758 BC 2 sử dụng vào việc phạm tội do không có giá trị sử dụng.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại hiệu Vsmart màu đen (không xác định được số Imei) của BC 1; 01 điện thoại hiệu Iphone 7 Plus, số Imei 355348084376627 của BC 2; 01 điện thoại di động hiệu Iphone (không rõ loại, không xác định được số Imei) của BC 4; 01 điện thoại hiệu Iphone Xsmax, số Imei 353107101494025 của BC 3; 01 điện thoại hiệu Iphone 6S màu xám, số Imei 355679070759487 của BC 5; 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Promax, số Imei 354860899456833 của BC 6, do các bị can sử dụng phạm tội.

[6] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hoà phù hợp nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Lời bào chữa của trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho các bị cáo BC 2, BC 4, BC 5 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và căn cứ áp dụng pháp luật nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 6 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo bị cáo BC 1, BC 2, BC 3, BC 4, BC 5, BC 6 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65, Điều 90, Điều 91, Điều 101 Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị Quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Xử phạt: bị cáo BC 1 01 (Một) năm tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo BC 1 cho Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 65; Điều 90; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật Hình sự; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị Quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao:

Xử phạt bị cáo BC 2 08 (Tám) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (Một) năm 04 (Bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo BC 2 cho Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 87 và khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58; Điều 90; Điều 91; Điều 100 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo BC 4 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ là 30 ngày từ ngày 31/03/2022 đến ngày 09/4/2022 (cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại của bị cáo phải chấp hành là 07 (Bảy) tháng tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo BC 4 cho Ủy ban nhân dân phường 4, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính BC 2 địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khoản khấu trừ thu nhập cho bị cáo BC 4.

Xử phạt bị cáo BC 5 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo BC 5 cho Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính BC 2 địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khoản khấu trừ thu nhập cho bị cáo BC 5.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo BC 3 10 (Mười) tháng cải tạo không giam giữ nhưng được trừ thời gian bị tạm giữ là 30 ngày từ ngày 31/03/2022 đến ngày 09/4/2022 (cứ 01

ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ). Thời gian cải tạo không giam giữ còn lại của bị cáo phải chấp hành là 09 (Chín) tháng tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo BC 3 cho Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính BC 2 địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khoản khấu trừ thu nhập cho bị cáo BC 3.

- Áp dụng khoản 6 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo BC 6 01 (Một) năm cải tạo không giam giữ. Thời gian cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo BC 6 cho Ủy ban nhân dân phường 3, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính BC 2 địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Miễn khoản khấu trừ thu nhập cho bị cáo BC 6.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 khẩu súng màu đen, dài 18cm, cao 14cm hiệu SIG SAUER P320 số 322108758 BC 2 sử dụng vào việc phạm tội do không có giá trị sử dụng.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại hiệu Vsmart màu đen (không xác định được số Imei) của BC 1; 01 điện thoại hiệu Iphone 7 Plus, số Imei 355348084376627 của BC 2; 01 điện thoại di động hiệu Iphone (không rõ loại, không xác định được số Imei) của BC 4; 01 điện thoại hiệu Iphone Xsmax, số Imei 353107101494025 của BC 3; 01 điện thoại hiệu Iphone 6S màu xám, số Imei 355679070759487 của BC 5; 01 điện thoại hiệu Iphone 12 Promax, số Imei 354860899456833 của BC 6, do các bị can sử dụng phạm tội.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai)

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo BC 1, BC 2, BC 3, BC 4, BC 5, BC 6 phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo được BC 2 kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bào chữa có BC 2 kháng cáo bản án theo quy định pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND TP Biên Hoà;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tp.Biên Hoà;
- Chi cục THADS tp.Biên Hoà;
- Bị cáo;
- Thi hành án hình sự;
- Người bào chữa;
- Lưu.

Lê Thị Tám

